

Số: 1849/NHCS-HTQT

"v/v: Hướng dẫn thực
hiện dự án RIDP"

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2003

**Kính gửi: ÔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TỈNH TUYÊN QUANG**

- Căn cứ Hiệp định vay vốn số 578-VN ký ngày 18/2/2002 giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) dành cho Dự án đa dạng hóa thu nhập nông thôn tại tỉnh Tuyên Quang.
- Căn cứ Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính thay mặt cho Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) ký ngày 5/6/2003 về việc Bộ Tài chính cho NHCSXH vay lại một phần khoản vay số 578-VN.
- Căn cứ các quy định hiện hành về cơ chế nghiệp vụ của NHCSXH.

Tổng giám đốc NHCSXH hướng dẫn việc thực hiện Dự án ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG nói trên (sau đây gọi tắt là dự án RIDP) như sau:

PHẦN A: KHÁI QUÁT DỰ ÁN RIDP :

1. Dự án Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang (RIDP) thực chất là giai đoạn tiếp theo của dự án toàn dân tham gia phát triển nguồn lực tỉnh Tuyên Quang (IFAD) được thực thi từ năm 1994 đến nay, với dư nợ hiện tại trên 50 tỷ đồng.

2. Mục tiêu dự án: Cải thiện tình hình kinh tế - xã hội của các Nhóm đối tượng Dự án bằng cách nâng cao năng lực và vai trò của họ trong tiến trình ra quyết định, tăng cường an ninh lương thực, đẩy mạnh đa dạng hóa thu nhập ở vùng dự án, khuyến khích sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

3. Địa bàn dự án: Dự án được thực thi tại 66 xã của 5 huyện bao gồm: tất cả các xã ở "vùng 3" và một số xã nghèo nhất ở "vùng 2" theo phân loại của Ủy ban Dân tộc được Chủ dự án và Quỹ IFAD thỏa thuận bằng văn bản, trong đó:

- Huyện Na Hang: 12 xã
- Huyện Chiêm Hóa: 19 xã
- Huyện Hàm Yên: 8 xã
- Huyện Yên Sơn: 17 xã
- Huyện Sơn Dương: 10 xã

(Danh sách cụ thể các xã kèm theo Hướng dẫn này)

4. Đối tượng dự án: Bao gồm hai loại đối tượng chính:

- Hộ nghèo: các hộ gia đình nghèo, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số và phụ nữ nghèo đang sinh sống trong địa bàn dự án.
- Các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ; cơ sở cung cấp giống, vật tư tại các xã ở vùng II, III trong địa bàn dự án.

PHẦN B: TÓM TẮT KHOẢN VAY PHỤ:

1. Bộ Tài chính - đại diện phía Chính phủ ký kết với Ngân hàng Chính sách xã hội một Hiệp định vay phụ để cho NHCSXH vay một Khoản vay phụ trị giá 1,12 triệu Quyền rút vốn đặc biệt (SDR) tương đương với 1,43 triệu USD để triển khai phân Tín dụng với thời hạn vay là 19 năm.

2. Lãi suất của Khoản vay phụ:

NHCSXH sẽ trả cho Bộ Tài chính lãi suất 0,75%/năm bằng Đô la Mỹ. Ngày trả lãi định kỳ là 1/6 và 1/12 hàng năm.

3. Trả Gốc của Khoản vay phụ:

NHCSXH sẽ trả gốc của Khoản vay phụ cho Bộ Tài chính vào ngày 1/6 và 1/12 hàng năm, đợt trả đầu tiên vào ngày 1/6/2009, đợt trả cuối cùng vào ngày 1/12/2022.

4. Rủi ro ngoại hối: Rủi ro ngoại hối giữa đồng USD và SDR do Bộ Tài chính chịu. Rủi ro ngoại hối giữa đồng USD và VND do NHCSXH chịu.

PHẦN C: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I - CHO VAY HỘ NGHÈO

1. Nhóm Tiết kiệm và vay vốn (nhóm TK&VV):

Phù hợp với Mục 3A.1 Phụ lục 3 – Thực thi Dự án của Hiệp định vay vốn: Việc thành lập nhóm TK&VV sẽ là trách nhiệm chính của cán bộ tổ chức cộng đồng tuyến huyện, với sự giúp đỡ của NHCSXH tuyến huyện và cụm xã. Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên và Phân hiệu dạy nghề tuyến huyện tham gia phối hợp.

Ban quản lý nhóm TK&VV gồm 3 người chịu trách nhiệm giao dịch trực tiếp với ngân hàng. Ban quản lý nhóm TK&VV sẽ được cán bộ tổ chức cộng đồng đào tạo về thành lập nhóm, cách ghi chép sổ sách kế toán.

2. Điều kiện của thành viên:

Phải là các hộ gia đình nghèo, trong đó ưu tiên hộ là người dân tộc thiểu số và phụ nữ cư trú hợp pháp tại vùng địa bàn dự án.

3. Phương thức cho vay:

Sử dụng phương thức cho vay bán buôn: Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay trực tiếp đến nhóm TK&VV, nhóm cho vay lại thành viên trong nhóm.

4. Lãi suất cho vay:

4.1 Lãi suất Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay tới nhóm TK&VV: thực hiện theo lãi suất cho vay ưu đãi hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ

Hiện nay là: 0,5%/ tháng.

Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

Từ 01/01/2026 Ls 0,5% theo VB số

3322/2005/CT

ngày 01/01/2005

4.2 Lãi suất nhóm TK&VV cho vay lại thành viên: thực hiện theo lãi suất thương mại của NHNo áp dụng trên địa bàn.

(Có giảm lãi suất tại các vùng II và III) *nếu MN có giảm*

Chênh lệch giữa lãi suất vay Ngân hàng và lãi suất cho vay thành viên, Nhóm TK&VV được giữ lại thành nguồn để cho vay các thành viên của nhóm.

5. Hoa hồng của nhóm: NHCSXH không trả hoa hồng cho nhóm.

6. Mức cho vay:

Mức cho vay cụ thể một nhóm TK&VV được xác định căn cứ đề nghị của nhóm và mức cho vay tối đa một nhóm. Mức cho vay tối đa một nhóm TK&VV: phụ thuộc mức dư nợ cho vay tối đa đối với hộ nghèo do Hội đồng quản trị NHCSXH quyết định và công bố từng thời kỳ (theo quy định hiện nay là 7 triệu đồng/1 thành viên) và số thành viên của nhóm TK&VV.

7. Thời hạn cho vay: Theo đề nghị của nhóm TK&VV trên cơ sở chu kỳ sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đối tượng vay vốn, trong đó:

- Ngắn hạn: đến 12 tháng
- Trung hạn: trên 12 tháng đến 60 tháng.

8. Quy trình, thủ tục cho vay:

8.1 Ngân hàng cho vay nhóm TK&VV:

- Điều kiện vay vốn: Nhóm TK&VV được vay vốn khi hội đủ các điều kiện sau:

+ Nhóm TK&VV được thành lập trên có sự phê duyệt của Ủy ban nhân dân xã và Ban quản lý (BQL) nhóm có đủ năng lực quản lý, đã được Dự án đào tạo và sau 18 tháng nhóm TK&VV hoạt động có hiệu quả.

+ Các thành viên viết Giấy đề nghị vay vốn gửi BQL nhóm.

+ Nhóm TK&VV làm Giấy đề nghị vay vốn gửi ngân hàng kèm theo Danh sách thành viên (mẫu 03/ RIDP).

* Số tiền nhóm TK&VV đề nghị vay được xác định trên cơ sở tổng số tiền xin vay của các thành viên nhóm trong đợt.

- Ngân hàng cho vay tiến hành xem xét, thẩm định ra quyết định cho vay hay không cho vay và thông báo cho nhóm TK&VV biết;

- Khi ngân hàng đồng ý cho vay, BQL nhóm TK&VV và Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng (mẫu 04/ RIDP).

- Ngân hàng giám sát việc giải ngân đến từng thành viên trong nhóm TK&VV. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, Ngân hàng dùng mẫu 06/NHCS.

- Thu nợ, thu lãi:

Ngân hàng thu lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý do Ngân hàng và Nhóm TK&VV thỏa thuận.

Thu nợ gốc 1 lần khi đến hạn với món vay ngắn hạn, thu theo phân kỳ trả nợ được thỏa thuận giữa Ngân hàng với BQL nhóm TK&VV đối với món vay trung hạn.

Khi nhóm thu được nợ gốc, lãi của thành viên phải nộp đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng.

Đến kỳ hạn mà nhóm TK&VV chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan, nhóm phải tập hợp danh sách thành viên đề nghị gia hạn (mẫu 09/ RIDP) và viết giấy Đề nghị gia hạn nợ (mẫu 08/RIDP) gửi cho Ngân hàng xem xét quyết định

Thời hạn và điều kiện cho gia hạn nợ xử lý theo quy chế hiện hành của NHCSXH.

Đến hạn mà nhóm TK&VV không có đơn xin gia hạn nợ, Ngân hàng tiến hành chuyển nợ quá hạn theo quy định của ngân hàng CSXH.

- Ngân hàng mở cho nhóm TK&VV một tài khoản tiền gửi để nhóm gửi tiền tiết kiệm và các khoản thu khác.

8.2 Nhóm TK&VV cho vay thành viên của nhóm:

- Nhóm phát tiền vay cho thành viên theo phần duyệt của ngân hàng. Thành viên trả lãi hàng tháng hoặc hàng quý cho Ban quản lý. Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn với món vay ngắn hạn, và trả theo phân kỳ thoả thuận giữa thành viên với BQL nhóm đối với món vay trung hạn.

- Khi có thành viên có nhu cầu vay tiền từ nguồn quỹ nhóm, phải có đơn xin vay vốn và được các thành viên khác nhất trí thể hiện trong biên bản họp nhóm.

- Các nội dung khác thực hiện theo tài liệu tập huấn nhóm TK&VV của Ban quản lý Dự án phù hợp với quy chế cho vay của ngân hàng. Cán bộ tín dụng và cán bộ tổ chức cộng đồng giám sát chương trình cho vay trong nhóm.

9. Hồ sơ vay vốn:

9.1 Ngân hàng cho vay nhóm:

- Đối với Nhóm TK&VV vay vốn Ngân hàng lần đầu tiên: Nhóm gửi đến Ngân hàng các giấy tờ liên quan đến thành lập và hoạt động nhóm đã được UBND xã phê duyệt như: Danh sách thành viên, danh sách Ban quản lý nhóm, Quy ước nhóm, Biên bản thành lập nhóm (mẫu số 10/ CVHN của NHSCXH ban hành kèm theo Quyết định số 316/ NHCS- KH ngày 2/5/2003 của Tổng giám đốc NHCSXH;

- Mỗi lần vay vốn, nhóm TK&VV gửi Ngân hàng Giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu 02/ RIDP đính kèm);

- Hợp đồng tín dụng (mẫu 04/ RIDP đính kèm)

- Các chứng từ, phiếu kiểm tra, các giấy tờ có liên quan khác;

(Trên tất cả hồ sơ phải đóng dấu RIDP để theo dõi).

9.2 Nhóm TK&VV cho vay thành viên: (Do BQL nhóm giữ)

- Mỗi lần vay vốn của nhóm, thành viên gửi Giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu 01/RIDP đính kèm);

- Dùng Sổ tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng để ghi chép các khoản tiền vay, trả nợ, trả lãi của thành viên với nhóm (Phần vốn nhóm vay Ngân hàng và cho vay lại thành viên trong nhóm).

- Khi tới hạn mà thành viên không trả được nợ do nguyên nhân khách quan, dùng Giấy đề nghị gia hạn nợ mẫu số 07/RIDP.

10. Các quy định khác:

- **Sổ sách quản lý của nhóm:** Do Ban quản lý dự án cung cấp và hướng dẫn sử dụng trong quá trình đào tạo BQL nhóm phù hợp với các quy định, quy chế cho vay của ngân hàng

- **Tiết kiệm của nhóm:** Nhóm phải thực hiện đóng tiết kiệm ban đầu, tiết kiệm hàng tháng. Mức cụ thể do nhóm bàn bạc, quyết định.

- **Cho vay từ nguồn vốn của nhóm:** Nhóm được sử dụng nguồn vốn của nhóm (bao gồm chênh lệch lãi suất cho vay + Tiền gửi tiết kiệm của các thành viên và nguồn vốn đối ứng của dự án) để cho vay lại các thành viên trong nhóm theo đúng quy định về điều kiện, nguyên tắc cho vay, thủ tục cho vay thể hiện theo tài liệu dự án và theo thỏa thuận giữa thành viên và Ban quản lý nhóm.

- **Thù lao cho Ban quản lý nhóm và các chi phí khác trong nhóm:** Lấy từ chênh lệch lãi suất cho vay, kể cả từ nguồn tiết kiệm nhóm theo thỏa thuận giữa thành viên và Ban quản lý nhóm. Các khoản thu chi phải có phiếu thu, phiếu chi, và thể hiện trong sổ theo dõi của nhóm.

II/. CHO VAY ĐỐI VỚI CÁC HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH NHỎ, CƠ SỞ CUNG CẤP GIỐNG TẠI CÁC XÃ Ở VÙNG II, VÙNG III TRONG ĐỊA BÀN DỰ ÁN:

Thực hiện theo hướng dẫn số 317/NHCS –KH ngày 2 tháng 5 năm 2003 của Tổng Giám đốc NHCSXH về “Nghiệp vụ cho vay đối với các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực và thuộc chương trình 135”.

Riêng lãi suất cho vay theo tinh thần Hiệp định phụ (Điều II, mục 2.02), áp dụng mức lãi suất thương mại hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn có giảm lãi suất tại các vùng II,III.

III – CÁC QUY ĐỊNH KHÁC:

1. Nguồn vốn cho vay: NHCSXH tỉnh Tuyên Quang căn cứ vào thông báo vốn của Hội sở chính NHCSXH tiến hành giải ngân sau khi nguồn vốn dự án đã được Bộ Tài chính chuyển về cho NHCSXH.

Phí sử dụng vốn TW: Nguồn vốn cho vay là nguồn vốn do Hội sở chính nhận dịch vụ ủy thác, chi nhánh NHCSXH Tuyên Quang trả phí sử dụng vốn TW theo mức thông thường, hiện hành của NHCSXH.

2. Công tác kiểm tra giám sát: Ngân hàng tỉnh sẽ kiểm tra hàng quý đối với các đối tượng dự án hoặc kiểm tra đột xuất vào bất kỳ thời điểm nào khi cần thiết.

3. Báo cáo: đối với nhóm TK&VV, báo cáo cho Ngân hàng cơ sở hàng tháng sử dụng mẫu biểu báo cáo kèm theo:

- Báo cáo hoạt động tín dụng tiết kiệm : mẫu số 01/ BC- RIDP
- Báo cáo cân đối và Báo cáo thu nhập chi phí: gộp chung trong mẫu số 02/ BC-RIDP

Ngân hàng tỉnh sẽ tổng hợp báo cáo và gửi cho phòng Hợp tác quốc tế – Hội sở chính NHCSXH hàng quý theo mẫu số 01/ BC- RIDP và 02/ BC- RIDP

4. Xử lý rủi ro: Theo quy định về xử lý rủi ro hiện hành của NHCSXH. Trong đó: Đối với rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, NHCSXH sẽ tổng hợp và lập tờ trình trình Bộ Tài chính để xử lý (phù hợp với điều III, mục 3.05 trong Hiệp định vay phụ).

PHẦN D: HƯỚNG DẪN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

I/ BỔ SUNG TÀI KHOẢN:

- TK 431103: “Tiền gửi không kỳ hạn nhóm TK&VV dự án RIDP”
- TK 252110: “ Cho vay ngắn hạn bằng vốn RIDP”.
- TK 252111: “ Cho vay trung hạn bằng vốn RIDP”.
- TK 252210: “ Nợ quá hạn cho vay ngắn hạn đến 180 ngày có khả năng thu hồi dự án RIDP”.
- TK 252211: “ Nợ quá hạn cho vay trung hạn đến 180 ngày có khả năng thu hồi dự án RIDP”.
- TK 252310: “ Nợ quá hạn cho vay ngắn hạn từ 181 ngày đến 360 ngày có khả năng thu hồi dự án RIDP”.

- TK 252311: “ Nợ quá hạn cho vay trung hạn từ 181 ngày đến 360 ngày có khả năng thu hồi dự án DIDP”.

- TK 252810: “ Nợ khó đòi cho vay ngắn hạn dự án RIDP”.

- TK 252811: “ Nợ khó đòi cho vay trung hạn dự án RIDP”.

II/HƯỚNG DẪN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

A/Tại Hội sở chính Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH).

1/ Khi nhận được báo Có từ Bộ Tài chính chuyển sang, Kế toán ghi:

1.1/ Trường hợp nhận ngoại tệ:

{ Nợ: TK 132101. : Tiền gửi ngoại tệ tại NHTM.
Có: TK 452201 : Vốn ủy thác đầu tư do HSC nhận

1.2/ Trường hợp nhận nội tệ:

{ Nợ TK 131101. : Tiền gửi NHTM.
Có TK 451201. : Vốn uỷ thác do hội sở chính nhận

2/ Chuyển vốn về Tỉnh để cho vay:

- Căn cứ thông báo vốn của phòng kế hoạch nghiệp vụ và vốn thực nhận từ Bộ tài chính, kế toán lập phiếu ghi:

{ Nợ TK 519101. : Điều vốn giữa TW với NHCS tỉnh.
Có TK 131101. : Tiền gửi NHTM.

Ghi chú:

- TK 519101 là TK điều vốn chung giữa NHCSTW với chi nhánh NHCS tỉnh.
- Các chi nhánh thực hiện giải ngân theo thông báo của từng chỉ tiêu cho vay do phòng Kế hoạch nghiệp vụ thông báo .

- NHCSXH chỉ thực hiện chuyển vốn khi số dư tiền gửi tại NHTM của chi nhánh hết số dư .

3/ Định kỳ trả lãi, trả vốn Bộ Tài chính.

3.1/ Trả lãi:

Định kỳ 6 tháng 1 lần, vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm, căn cứ số dư Có (theo phương pháp tích số) trên TK 451201, Hội sở chính NHCSXH tính số lãi trả cho Bộ tài chính theo công thức sau:

$$\text{Số lãi phải trả trong kỳ} = \text{Số dư có TK (451201) theo phương pháp tích số} \times \text{Lãi suất} \times \text{Số tháng}$$

Kế toán hạch toán:

{ Nợ TK 802001. : Trả lãi tiền vay.
Có TK 131101. : Tiền gửi tại NHTM.

3.2/ Hoàn trả vốn gốc cho dự án:

Tiền gốc dự án được trả 1 năm 2 kỳ vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm, được chia đều làm 26 kỳ, thời gian hoàn trả vốn bắt đầu từ ngày 01/6/2009 đến 01/12/2022. Đến kỳ trả nợ gốc dự án, Hội sở chính NHCSXH sẽ gửi thông báo rút chỉ tiêu cho vay đến NHCSXH tỉnh Tuyên Quang. NHCSXH tỉnh Tuyên Quang gửi thông báo đến các phòng giao dịch NHCSXH huyện, các phòng giao dịch NHCSXH huyện lập kế hoạch thu nợ để hoàn trả vốn gốc cho dự án.

Khi nhận được báo Có do NHCSXH tỉnh Tuyên Quang chuyển về, Kế toán ghi:

{ Nợ TK 131101. : Tiền gửi NHTM.
Có TK 519101. : Điều chuyển vốn giữa TW với NHCS tỉnh.

Chuyển trả vốn gốc cho Bộ Tài chính:

Trường hợp phải trả bằng ngoại tệ: Hội sở chính NHCSXH làm thủ tục mua ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại.

Khi mua ngoại tệ ghi:

{ Nợ TK 451201 “Vốn ủy thác đầu tư do Hội sở chính nhận”
Có TK thích hợp

Đồng thời chuyển vốn trả cho Bộ Tài chính bằng ngoại tệ

Kế toán ghi:

{ Nợ TK Các khoản phải trả.
Có TK Tiền gửi ngoại tệ tại NHTM.

Trường hợp trả bằng đồng Việt Nam

Kế toán ghi:

{ Nợ TK 451201. : Vốn tài trợ do hội sở chính nhận.
Có TK 131101. : Tiền gửi NHTM.

4/ Trích dự phòng rủi ro tỷ giá:

Hàng năm, vào ngày 31/12, Phòng Kế toán và Quản lý tài chính thực hiện trích dự phòng rủi ro tỷ giá khi tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tỷ giá cao hơn tỷ giá đang hạch toán tại sổ sách kế toán. Căn cứ vào số phải trích lập, Kế toán ghi:

{ Nợ TK 872101 “Chi dự phòng giảm giá ngoại tệ”.
Có TK “Dự phòng rủi ro tỷ giá ngoại tệ dự án RIDP”.

B/ Tại NHCSXH Tỉnh Tuyên Quang:

1/ Khi nhận được thông báo chỉ tiêu cho vay của Hội sở chính, NHCSXH Tỉnh Tuyên Quang phân bổ và thông báo chỉ tiêu cho vay của dự án đến từng phòng giao dịch NHCSXH huyện, thông báo lập thành 2 liên:

- 1 liên gửi phòng giao dịch NHCSXH huyện.
- 1 liên lưu ở bộ phận theo dõi dự án.

2/ Khi nhận được thông báo rút chỉ tiêu cho vay của Hội sở chính NHCSXH, NHCSXH Tỉnh thông báo đến các phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện thu nợ theo thông báo của Hội sở chính NHCSXH.

3/ Phí sử dụng vốn của dự án: NHCSXH thực hiện thu phí chung trên tài khoản 519101 của tất cả các đối tượng cho vay, mức phí sẽ được thông báo theo từng lần.

4/ Hạch toán Kế toán:

4.1/ Khi nhận vốn của Hội sở chính NHCSXH, Kế toán ghi:

- { Nợ TK 131101. : Tiền gửi NHTM.
- { Có TK 519101. : Điều chuyển vốn giữa NHCS tỉnh với TW.

Điều chuyển vốn xuống phòng giao dịch NHCSXH huyện, căn cứ vào chỉ tiêu thông báo của phòng Kế hoạch nghiệp vụ, căn cứ số dư tiền gửi phòng giao dịch NHCSXH huyện, Kế toán ghi:

- { Nợ TK 519151. : Điều chuyển vốn giữa Tỉnh với PGD huyện.
- { Có TK 131101. : Tiền gửi NHTM.

4.2/ Rút vốn trả TW theo thông báo, nhận được báo có do Phòng giao dịch NHCSXH huyện chuyển về, Kế toán ghi:

- { Nợ TK 131101. : Tiền gửi NHTM.
- { Có TK 519151. : Điều chuyển vốn giữa Tỉnh với PGD huyện.

4.3/ Chuyển vốn thu nợ về TW, căn cứ kế hoạch rút vốn của phòng giao dịch NHCSXH huyện và số tiền phòng giao dịch NHCSXH huyện chuyển về, Kế toán ghi:

- { Nợ TK 519101. : Điều chuyển vốn giữa TW và NHCS Tỉnh.
- { Có TK 131101. : Tiền gửi NHTM.

C/ Tại phòng giao dịch trực tiếp cho vay:

Phòng giao dịch NHCSXH huyện làm thủ tục mở cho mỗi nhóm 2 tài khoản, Tài khoản tiền gửi và tài khoản tiền vay (quy trình mở TK tiền gửi theo quyết định số 1284/2002/QĐ-NHNN).

*Lưu ý : Hồ sơ mở tài khoản áp dụng như các đơn vị tổ chức kinh tế nhưng không có dấu.

- Tài khoản tiền gửi: Dùng để cho nhóm gửi tiền tiết kiệm của các thành viên trong nhóm, tiền lãi thu từ các thành viên nhưng chưa đến kỳ trả cho ngân hàng.

- Tài khoản tiền vay: Dùng để theo dõi các khoản vay của ngân hàng đến nhóm.

1/ **Nhận vốn để cho vay:** Khi nhận được báo có của NHCSXH tỉnh chuyển về, Kế toán ghi:

{ Nợ TK 131101. : Tiền gửi NHTM.
Có TK 519151. : Điều chuyển vốn giữa Tỉnh với PGD.

2/ **Cho vay:** Căn cứ hồ sơ tín dụng do phòng tín dụng chuyển sang, Kế toán lập thủ tục phát tiền vay, căn cứ vào chứng từ kế toán hạch toán:

{ Nợ TK 252110 Cho vay ngắn hạn dự án RIDP.
Nợ TK 252111 Cho vay trung hạn dự án RIDP
Có TK Thích hợp

(Mở thứ tự TK cho vay đến từng nhóm)

Lưu ý: Các phòng giao dịch NHCSXH huyện phải luôn căn cứ vào chỉ tiêu thông báo của NHCSXH tỉnh để làm cơ sở giải ngân của đơn vị mình.

3/ **Chuyển nợ quá hạn:** Đến kỳ hạn trả nợ, nếu nhóm không được ngân hàng cho gia hạn nợ, kế toán thực hiện chuyển nợ quá hạn, Kế toán ghi:

{ Nợ: TK 252210
Nợ: TK 252211
Có: TK 252110
Có: TK 252111

4/ **Thu nợ, thu lãi:**

*/ Thu nợ:

{ Nợ: TK Thích hợp
Có: TK 252110 Cho vay ngắn hạn bằng vốn RIDP.
Có: TK 252210 Quá hạn ngắn hạn bằng vốn RIDP.
Có: TK 252111 Cho vay trung hạn bằng vốn RIDP.
Có: TK 252211 Quá hạn cho vay trung hạn bằng vốn RIDP.

*/ Thu lãi:

{ Nợ TK Thích hợp.
Có TK 724001 Thu lãi dịch vụ ủy thác dự án RIDP

5/ **Hoàn trả vốn dự án:** Nhận được thông báo rút chỉ tiêu cho vay dự án RIDP, phòng giao dịch NHCSXH huyện lên kế hoạch thu nợ, căn cứ thu nợ theo kế hoạch rút vốn,

Kế toán hạch toán:

{ Nợ TK 519151. : Điều chuyển vốn giữa Tỉnh với PGD huyện.
Có TK 131101. : Tiền gửi NHTM.

6/ *Trả phí sử dụng vốn cho NHCSXH Tỉnh*: Phí sử dụng vốn thực hiện tính trả chung cho tỉnh trên TK 519151 cho tất cả các đối tượng cho vay, mức phí theo thông báo từng lần.

Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn, phản ảnh về Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội để nghiên cứu giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, HTQT

K.T TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI



Nguyễn Mỹ Hào

**PHỤ LỤC 1: MẪU BIỂU, HỒ SƠ DÀNH CHO
NHÓM TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN DỰ ÁN RIDP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---*---

(Mẫu 01/ RIDP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN DỰ ÁN RIDP
(Dùng cho thành viên)

---*---

Kính gửi: Nhóm TK&VV

Tên tôi là: Năm sinh Nam/Nữ:
Số CMND: ; Cấp ngày: /...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ: Xã: ; Huyện: ; Tỉnh:
Dân tộc: ;
Họ tên người thừa kế: ; Quan hệ với chủ hộ:
Nhóm TK&VV:

Tôi viết giấy này để nghị Nhóm xem xét cho tôi vay số tiền :
Bằng chữ :

Để sử dụng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Cộng:

Thời hạn xin vay: tháng. Lãi suất:.....% tháng.
Xin trả gốc..... kỳ. Ngày trả nợ cuối cùngtháng.....Năm
Lãi tiền vay xin trả theo:

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ gốc, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu có sai phạm, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm vật chất với nhóm TK&VV, với Ngân hàng và pháp luật.

Người thừa kế
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Ngày tháng năm
Người xin vay
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

IV – Phần xét duyệt của Ban quản lý Nhóm TK&VV:

Ban quản lý nhóm TK&VV đã họp tiến hành bình xét, nhất trí như sau:

Đồng ý cho vay số tiền: + Bảng số:
+ Bảng chữ:

-
- a) Mục đích:
 - b) Thời hạn: tháng; Hạn trả cuối cùng:/...../.....; Lãi suất: %/tháng
 - c) Trả gốc và lãi vào ngày

Ngày tháng năm

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---*---

(Mẫu 02/RIDP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN DỰ ÁN RIDP
(Dùng cho nhóm Tiết kiệm & Vay vốn)

---*---

Kính gửi: Ngân hàng _____

I - Nhóm TK&VV _____; Thôn: _____
Xã: _____; Huyện: _____; Tỉnh: _____
Hiện có: _____ thành viên; Thành lập ngày: ____/____/____;

II - Đại diện là Ban quản lý nhóm gồm:

+ Trưởng nhóm: _____; Nam/Nữ: _____
Số CMND: _____; Cấp ngày: ____/____/____; Tại: _____
+ Kế toán: _____; Nam/Nữ: _____
Số CMND: _____; Cấp ngày: ____/____/____; Tại: _____
+ Thủ quỹ nhóm: _____; Nam/Nữ: _____
Số CMND: _____; Cấp ngày: ____/____/____; Tại: _____

III - Xin vay Ngân hàng Chính sách Xã hội số tiền:

- Số tiền xin vay: Bằng số:
Bằng chữ:
- Mục đích xin vay: Để cho các thành viên trong nhóm vay phát triển sản xuất kinh doanh (có các đơn xin vay của từng thành viên đính kèm theo).
- Lãi suất: %/tháng.
- Tiền gốc và lãi trả vào ngày:.....
- Thời hạn xin vay: tháng.
- Hạn trả cuối cùng:

Nhóm gửi kèm theo Danh sách thành viên đề nghị vay vốn 02 liên đã được các thành viên trong nhóm bình xét và nhất trí đề nghị được vay đợt này.

IV - Các cam kết:

Nhóm chúng tôi cam kết:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, hoàn trả cả gốc và lãi đủ và đúng hạn;
- Hoàn trả nợ gốc và lãi theo kế hoạch trùng với kế hoạch trả nợ và lãi của thành viên;
- Đồng chịu trách nhiệm liên đới trong việc vay vốn, sử dụng vốn và hoàn trả nợ vay ngân hàng;
- Nếu có sai phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm vật chất với ngân hàng và pháp luật.

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm,
Trưởng nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên)

V – Phân xác nhận của Ủy ban nhân dân xã:

Các hộ có tên trong Bảng kê danh sách thành viên đề nghị vay vốn đính kèm Giấy đề nghị vay này có đủ điều kiện vay vốn đợt này, trừ các hộ sau đây không đủ điều kiện vay: có số thứ tự trong Bảng kê danh sách:

.....
.....
.....
.....
.....

Ngày tháng năm

T/M UBND xã)

(Ký tên, đóng dấu)

V – Phân xét duyệt của ngân hàng:

	Cán bộ tín dụng	Trưởng phòng KHNH	Giám đốc NH
Tổng số hộ được vay:
Tổng số tiền cho vay:
Số hộ chưa được vay đợt này:
có STT:

Ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, Đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Mẫu 04/ RIDP)

---*---

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG DỰ ÁN RIDP

(Dùng cho Nhóm Tiết kiệm & Vay vốn)

---*---

Hôm nay, tại _____

Chúng tôi gồm: _____

1 – Bên cho vay: Ngân hàng _____

Đại diện: Ông (Bà): _____

Chức vụ: _____

2 – Bên vay vốn: Nhóm TK&VV: _____

Địa chỉ: Xã: _____; Huyện: _____; Tỉnh: _____

Đại diện là Ban quản lý nhóm gồm:

+ Trưởng nhóm: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ___/___/___; Tại: _____

+ Kế toán: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ___/___/___; Tại: _____

+ Thủ quỹ nhóm: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ___/___/___; Tại: _____

Theo Giấy đề nghị vay vốn của nhóm ngày tháng năm

Hai bên nhất trí như sau:

1. Bên cho vay cho Bên vay vốn vay, khoản tiền:

+ Bằng số: _____

+ Bằng chữ: _____

2. Thời hạn cho vay: _____ tháng;

3. Lãi suất cho vay: _____ %/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: _____

4. Kỳ hạn trả nợ, cụ thể:

+ Kỳ I: Ngày ___/___/___ : Số tiền: _____

+ Kỳ II: Ngày ___/___/___ : Số tiền: _____

+ Kỳ III: Ngày ___/___/___ : Số tiền: _____

+ Kỳ IV: Ngày ___/___/___ : Số tiền: _____

+ Kỳ V: Ngày ___/___/___ : Số tiền: _____

5. Tiền lãi được trả vào ngày:

6. Bên vay vốn cam kết:

+ Chấp hành đúng các quy định trong chế độ cho vay của Bên cho vay;

+ Đồng chịu trách nhiệm trong nhóm trong việc vay vốn, sử dụng vốn, trả nợ và lãi vốn vay đủ và đúng hạn cho Bên cho vay;

+ Nếu có bất cứ vi phạm, nhóm đồng ý để Bên cho vay trích tiền gửi của nhóm tại Ngân hàng để thu nợ, thu lãi; đồng thời chịu mọi trách nhiệm với Bên cho vay và pháp luật.

7. Hợp đồng tín dụng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Ngày ... tháng ... năm

Đại diện Bên cho vay

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện Bên vay vốn

Trưởng nhóm Kế toán Thủ quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---*---

(Mẫu 08/ RIDP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ DỰ ÁN RIDP

(Dùng cho nhóm Tiết kiệm & Vay vốn)

---*---

Kính gửi: Ngân hàng _____

I - Nhóm TK&VV: _____; Thôn: _____
Xã: _____; Huyện: _____; Tỉnh: _____

II - Đại diện là Ban quản lý nhóm gồm:

+ Trưởng nhóm: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ___/___/___; Tại: _____

+ Kế toán: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ___/___/___; Tại: _____

+ Thủ quỹ nhóm: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ___/___/___; Tại: _____

III - Nội dung:

Hiện tại một số thành viên của nhóm chúng tôi không thể trả nợ vay đúng hạn và có Giấy đề nghị được gia hạn nợ (đính kèm) do những nguyên nhân như sau :

Sau khi đã tiến hành bình xét trong nhóm, nhóm nhất trí đề nghị Ngân hàng

xem xét cho gia hạn trả nợ đối với nhóm như danh sách đính kèm.

Tổng số tiền đề nghị được gia hạn: _____

Bằng chữ:

Nhóm cam kết: Hoàn trả số nợ trên đây đủ và đúng hạn.

Ngày tháng năm

Ý kiến UBND xã
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

Thủ quỹ Kế toán Trưởng nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---*---

(Mẫu 071 RIDP)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ DỰ ÁN RIDP
(Dùng cho thành viên nhóm TK&VV)

---*---

Kính gửi: Nhóm TK&VV _____

Tên tôi là: _____; Nam/Nữ: _____

Số CMND: _____; Cấp ngày: ____/____/____ tại: _____

Địa chỉ: Xã: _____; Huyện: _____; Tỉnh: _____

Dân tộc: _____;

Họ tên người thừa kế: _____; Quan hệ với người vay: _____

Nhóm TK&VV: _____

Hiện tại tôi đang còn nợ vay nhóm theo Sổ Tiết kiệm và Vay vốn số: _____

với số tiền nợ gốc: _____

tiền nợ lãi: _____

Theo thỏa thuận, tôi phải trả số nợ vay: _____

vào ngày ____ tháng ____ năm _____. Nhưng đến nay tôi chưa trả được vì các lý do sau:

Đề nghị nhóm TK&VV _____ xem xét cho gia hạn trả nợ số tiền trên đến ngày ____ tháng ____ năm _____

Tôi xin cam kết hoàn trả đủ nợ gốc và lãi khi đến hạn.

Ngày tháng năm

Người vay

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Ý kiến của nhóm:

Sau khi bình xét, nhóm nhất trí (đồng ý hay không đồng ý):

Ngày tháng năm

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng nhóm
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---*---

(Mẫu 05/ RIDP2)

BẢNG KÊ PHÁT TIỀN VAY DỰ ÁN RIDP
(Dùng cho nhóm Tiết kiệm và vay vốn)

---*---

TT	Họ tên người vay	Địa chỉ (Xóm, thôn)	Số Số TK&VV	Số tiền phát vay lần này	Ngày phát tiền vay	Chữ ký người nhận tiền
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
Cộng						

....., Ngày tháng năm

Trưởng nhóm **Kế toán** **Thủ quỹ**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Mẫu 03/ RIDP)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỀ NGHỊ VAY VỐN DỰ ÁN RIDP
(Dùng cho nhóm Tiết kiệm & Vay vốn)

Nhóm TK&VV:; Xã:; Huyện:; Tỉnh:

TT	Họ tên người vay	Địa chỉ	Số Số vay vốn	Xét duyệt cho vay của nhóm		Số tiền	Thời hạn	Xét duyệt của Ngân hàng	
				Mục đích				Số tiền	Thời hạn
1	2		3	4	5	6	7	8	
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
Cộng									

UBND xã xác nhận Trưởng nhóm Kế toán Thủ quỹ Cán bộ tin dùng Trưởng phòng Giám đốc NH
 (Ký tên, đóng dấu) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG & TIẾT KIỆM

(Dùng cho Ngân hàng/ Nhóm TK&VV) – Dự án RIDP

Nhóm gửi Ngân hàng vào ngày 5 tháng sau

---*---

Tháng/Quý ____ năm ____

Nhóm TK&VV: _____; Thôn: _____

Xã: _____; Huyện: _____

(Đơn vị: người, đồng)

1	Chỉ tiêu 2	Tính đến đầu tháng này 3	Phát sinh trong tháng		Tính đến cuối tháng này 6
			Phát sinh tăng 4	Phát sinh giảm 5	
A	Nhóm TK&VV				
1	Số thành viên nhóm				
2	Trong đó: - người dân tộc - nữ giới				
B	Hoạt động tiết kiệm của nhóm				
3	Thành viên có số dư TK				
4	Số dư tiền gửi tiết kiệm				
C	Hoạt động tín dụng của nhóm				
5	Số thành viên vay vốn				
6	Trong đó: thành viên có nợ QH				
7	Dư nợ cho vay ngắn hạn				
8	Trong đó quá hạn				
9	Dư nợ cho vay trung hạn				
10	Trong đó quá hạn				
D	Mục đích cho vay				
	- Cho vay trồng trọt				
	- Cho vay chăn nuôi				
	- Tiểu thủ công nghiệp				
	- Dịch vụ, Chế biến, Khác				

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Kế toán
(Ký ghi rõ họ tên)
tên).Thủ Quỹ
(Ký ghi rõ họ tên)Trưởng nhóm
(Ký ghi rõ họ

BÁO CÁO THU NHẬP - CHI PHÍ

(Dùng cho nhóm Tiết kiệm & Vay vốn) – Dự án RIDP
Nhóm gửi Ngân hàng vào ngày 5 tháng sau

---*---

Tháng/Quý ____ năm ____

Nhóm: _____; Thôn: _____

Xã: _____; Huyện: _____

(Đơn vị: đồng)

	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
A	Thu nhập			
1	Thu tiền lãi cho vay thành viên			
2	Thu lãi tiền gửi tại ngân hàng			
3	Thu khác			
4	Cộng Thu nhập			
B	Chi phí			
5	Trả lãi tiền vay ngân hàng			
6	Trả lãi tiền gửi tiết kiệm thành viên			
7	Trả thù lao Ban quản lý nhóm			
8	Chi hành chính, khác			
9	Cộng chi phí			
C	Chênh lệch Thu nhập – Chi phí			
10	Thu nhập - Chi phí [Lãi (+); Lỗ (-)]			

BÁO CÁO CÂN ĐỐI NHÓM TK&VV

(Đơn vị: đồng)

	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
			Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
A	Nguồn vốn				
1	Dư nợ vay ngân hàng				
2	Số dư tiền tiết kiệm				
3	Các quỹ của nhóm				
4	Chênh lệch Thu nhập - Chi phí (+/-)				
5	Cộng Nguồn vốn				
B	Sử dụng vốn				
6	Dư nợ cho vay thành viên				
	Trong đó từ nguồn vốn của nhóm				
7	Số dư tiền gửi ngân hàng				
8	Tiền mặt tại nhóm				
9	Cộng Sử dụng vốn				

Kế toán

Thủ Quỹ

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Trưởng nhóm

**BIÊN BẢN HỢP THÀNH LẬP NHÓM TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN
VÀ THÔNG QUA QUY ƯỚC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM**

Hôm nay, ngày..... tháng năm.....
Tại thôn xã..... huyện Tỉnh.....
Chúng tôi gồm có:..... thành viên là chủ hộ gia đình cùng cư trú tại thôn..... tự
nguyện hợp để thành lập Nhóm Tiết kiệm & vay vốn theo quy định về tổ chức hoạt động của
Nhóm TK&VV, đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

I- Danh sách thành viên được kết nạp vào nhóm gồm..... thành viên có tên dưới đây:

1.....	11.....	21.....
2.....	12.....	22.....
3.....	13.....	23.....
4.....	14.....	24.....
5.....	15.....	25.....
6.....	16.....	26.....
7.....	17.....	27.....
8.....	18.....	28.....
9.....	19.....	29.....
10.....	20.....	30.....

II- Bầu Ban quản lý nhóm gồm các ông (bà) có tên dưới đây:

- Ông (Bà)..... là Nhóm trưởng (được/..... thành viên tán thành).
- Ông (Bà)..... là Nhóm phó kiêm kế toán (được/..... thành viên tán thành).
- Ông (Bà)..... là Thủ quỹ kiêm thư ký (được/..... thành viên tán thành).

III- Các thành viên trong nhóm cùng nhau thông qua Quy ước hoạt động như sau:

1. Nhóm trưởng là người đại diện cho nhóm tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của nhóm.
2. Tất cả thành viên tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất và các hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật của nhóm vào giờ phút; ngày..... hàng tháng (quý) tại.....
3. Gửi tiền tiết kiệm ban đầu khi gia nhập nhóm với mức tối thiểu là đồng/thành viên và tiền tiết kiệm định kỳ hàng tháng với mức tối thiểu là đồng/thành viên.

4. Tất cả các thành viên cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã cam kết. Thành viên nào cố ý không trả tiền lãi đúng hạn thì buộc phải trả toàn bộ số tiền vay và bị khai trừ ra khỏi nhóm.

5. Mỗi thành viên của nhóm cam kết cùng cộng đồng trách nhiệm, nếu trong nhóm có thành viên gặp khó khăn, rủi ro trong quá trình sử dụng vốn vay, khi đến hạn không trả được nợ, các thành viên khác có trách nhiệm giúp đỡ để trả nợ gốc và lãi tiền vay kịp thời như đã cam kết với Ngân hàng.

6. Ban quản lý nhóm người đại diện cho Nhóm trong quan hệ giao dịch với Ngân hàng.

7. Ban quản lý nhóm phối hợp với các hội, đoàn thể, cơ quan chuyển giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật trên địa bàn để giúp các thành viên trong nhóm nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh.

8. Các thành viên cùng tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh và cùng nhau cam kết thực hiện đúng quy ước này và chấp hành các quy định về nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng, các quy định của Nhóm.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các thành viên trong nhóm hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã công nhận và cho phép nhóm Tiết kiệm và Vay vốn được hoạt động tại địa phương.

CHỦ TOẠ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

- Công nhận nhóm TK&VV..... thôn.....
xã....., huyện....., tỉnh được thành lập trên
tinh thần tự nguyện, gồm:.....thành viên theo danh sách trên và cho phép nhóm được hoạt động
theo Quy ước hoạt động của nhóm đề ra.

- Xác nhận Ban quản lý nhóm gồm:

1- Ông (Bà)..... làm Nhóm trưởng.

2- Ông (Bà)..... làm nhóm phó kiêm kế toán.

3- Ông (Bà)..... làm thư ký kiêm thủ quỹ.

Ngày.....tháng.....năm.....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH 66 XÃ ĐỊA BÀN THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÊN HUYỆN	TÊN XÃ	SỐ LƯỢNG
Na Hang	Côn Lôn, Đà Vị, Khau Tinh, Lãng Can, Năng Khả, Phúc Yên, Sinh Long, Thượng Giáp, Thượng Nông, Xuân Lập, Hồng Thái, Yên Thái.	12
Chiêm Hóa	Linh Phú, Kiên Đài, Bình An, Hùng Mỹ, Thổ Bình, Trung Hòa, Yên Lập, Tân Mỹ, Tân An, Phú Bình, Kim Bình, Bình Nhân, Hồng Quang, Trung Hà, Minh Quang, Nhân Lý, Bình Phú.	19
Hàm Yên	Bằng Cốc, Hùng Đức, Minh Hương, Minh Khương, Phù Lưu, Thành Long, Yên Lâm, Yên Thuận.	8
Yên Sơn	Chân Sơn, Công Đa, Đạo Viện, Đội Bình, Hùng Lợi, Kiến Thiết, Kim Quan, Lãng Quán, Phú Thịnh, Quý Xuân, Tân Long, Tân Tiến, Thái Long, Trung Minh, Trung Trực, Xuân Vân.	17
Sơn Dương	Đại Phú, Đông Quý, Lương Thiện, Ninh Lai, Phú Lương, Tam Đa, Thanh Phát, Thiện Kế, Trung Yên, Văn Phú	10